

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀI ĐỨC  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Số: 46/2020/QĐST-DSST**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hoài Đức, ngày 30 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-DSST ngày 13 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:**

**\*Đồng nguyên đơn:**

**1/. Bà Nguyễn Thị T** - sinh năm 1946; HKTT: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Tiểu khu 5, đội Thống Nhất, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**2/. Chị Nguyễn Thị H** - sinh năm 1976; HKTT: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Đội 20, thôn Chương Vương, xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**3/. Chị Nguyễn Thị H** - sinh năm 1974; HKTT: Số nhà 45, ngách 8/191, tổ 5, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

4/. Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1972; HKTT: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Tiểu khu 5, đội Thống Nhất, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5/. Anh **Nguyễn Ngọc L** - sinh năm 1982; HKTT: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Tiểu khu 5, đội Thống Nhất, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6/. Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1979; HKTT: Đội 2, thôn Tiên Lệ, xã Tiên Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

**Đại diện theo ủy quyền của bà Tuyết và các anh chị Hi, H, H, Thh và anh L:**

Bà Trịnh Trang Th, sinh năm 1991; Địa chỉ: Chung cư Tân Việt, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

**\*Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1954;  
Trú tại: Đội , , xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

**\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Trú tại: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

2/. Chị Nguyễn Thị Hg, sinh năm 1978; Trú tại: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

3/. Chị Nguyễn Thị Hn, sinh năm 1981; Trú tại: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

4/. Chị Nguyễn Thị Thh, sinh năm 1987; Trú tại: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

5/. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 2, Cổ Bản, phường Đồng Hai, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

6/. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1962; Trú tại: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

7/. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; Trú tại: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

8/. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1959; Trú tại: Đội 7, Mọc Hoàn Giáo, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội..

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. **Về quan hệ huyết thống:** Cụ Nguyễn Ngọc Th (mất năm 1998) và cụ Nguyễn Thị Ti(mất năm 1970) có 04 người con chung là: Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Đ. Sau khi cụ Tmất thì cụ Thu có kết hôn với cụ Nguyễn Thị T và sinh được 05 người con chung: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Ngọc Ln.

2.2. **Về diễn biến tài sản:** Gia đình cụ T và cụ Th được nhà nước cấp đất cho 07 khẩu, mỗi khẩu 14,7 thước tương đương 352,8m<sup>2</sup>, gồm: Cụ T, cụ Th, chị H, chị H, chị H, chị Tnh và anh Ln.

Đất nông nghiệp của cụ T và cụ T được cấp thành 07 thửa gồm: 02 thửa Đầm Chòi diện tích 720m<sup>2</sup>, Thửa bờ ao Xướng Mạ diện tích 120m<sup>2</sup>, thửa bãi Vân Côn diện tích 168m<sup>2</sup>, 02 thửa Bãi Quả diện tích 539 m<sup>2</sup>, bãi Bờ Giếng diện tích 630m<sup>2</sup>, Làng Mới diện tích 315m<sup>2</sup>. Tổng diện tích được cấp là 2.460m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích 2.145m<sup>2</sup> được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Tuyết, còn diện tích 315m<sup>2</sup> ở Thửa Làng Mới thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngọc T.

### **Về phân định tài sản:**

2.3. Gia đình ông Nguyễn Ngọc T trả cho gia đình cụ Nguyễn Thị Tt (Do cụ Nguyễn Thị T đại diện nhận) quyền sử dụng Thửa đất số 685, diện tích 315m<sup>2</sup> ở xứ đồng Làng Mới và Thửa đất số 106, diện tích 135m<sup>2</sup> ở xứ đồng Đầm Trôi cùng tại thôn Mọc Hoàn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ (Nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy CNQSD đất số N 428528 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 15/11/1999 cho hộ ông Nguyễn Ngọc T. Các tài sản nếu có trên 02 thửa đất này, gia đình cụ Nguyễn Thị T được quyền sở hữu.

2.3. Gia đình cụ Nguyễn Thị Tt trả cho gia đình ông Nguyễn Ngọc T (Do ông Nguyễn Ngọc T đại diện) quyền sử dụng Thửa đất số 535, diện tích 219m<sup>2</sup> xứ đồng , thôn Mọc Hoàn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ (Nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy CNQSD đất số N 428556 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 15/11/1999 cho hộ cụ Nguyễn Thị Tt. Các tài sản nếu có trên thửa đất này, gia đình ông Nguyễn Ngọc T được quyền sở hữu.

2.4. Những người thừa kế hàng thứ nhất của cụ Nguyễn Ngọc Th là ông Nguyễn Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Đn, Nguyễn Thị i, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Ngọc L cùng thỏa thuận không yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc Tn và nhất trí với thỏa thuận của cụ Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc T.

2.5. Ghi nhận cụ Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị i, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Ngọc Ln rút yêu cầu về hủy 01 phần Giấy CNQSD đất số N 428528 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 15/11/1999 cho hộ ông Nguyễn Ngọc T.

### **3. Về án phí:**

- Cụ Nguyễn Thị t, ông Nguyễn Ngọc u là người cao tuổi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

-Chị Nguyễn Thị Hả, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Ngọc Lin, mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  án phí dân sự không có giá ngạch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)  $\times 5 = 750.000\text{đ}$  (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào 1.000.000đ (Một triệu đồng) dự phí đã nộp theo biên lai số 0009623 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị H, chị H, chị H, chị Thh và anh L được nhận lại 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) dự phí đã nộp.

-Chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị à, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Thvà anh Nguyễn Ngọc được nhận lại số dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009699 ngày 08/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**4.**Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.**Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thanh Hải**